

MỐI QUAN HỆ GIỮA THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ VỚI THỂ CHẾ KINH TẾ VÀ THỂ CHẾ XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC NHANH, BỀN VỮNG

PGS, TS ĐẶNG QUANG ĐỊNH

Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

11-3-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

23-4-2025

Ngày duyệt đăng:

5-5-2025

Tóm tắt: Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 đến nay, mối quan hệ giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị và thể chế xã hội ở Việt Nam từng bước được điều chỉnh theo hướng đồng bộ, tương thích, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những khoảng cách, chênh lệch giữa các thể chế tạo ra những hệ lụy xã hội, cản trở sự phát triển. Do đó, yêu cầu cấp thiết hiện nay là tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế gắn với cải cách thể chế chính trị và phát triển thể chế xã hội, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa ba trụ cột thể chế.

Từ khóa:

Mối quan hệ; thể chế kinh tế, thể chế chính trị, thể chế xã hội; phát triển nhanh, bền vững

1. Mối quan hệ giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị và thể chế xã hội

Thứ nhất, vai trò của thể chế kinh tế

Trong tiến trình phát triển nhanh và bền vững, đặc biệt ở các quốc gia chuyển đổi như Việt Nam, thể chế kinh tế giữ vai trò trụ cột, có ảnh hưởng sâu sắc đến thể chế chính trị và thể chế xã hội. Là hệ thống các quy tắc, luật lệ và tổ chức điều tiết các hoạt động sản xuất - phân phối - tiêu dùng, thể chế kinh tế không chỉ quyết định hiệu quả phát triển vật chất mà còn định hình cấu trúc quyền lực, phương thức quản trị nhà nước và chất lượng đời sống xã hội.

Một là, thể chế kinh tế tạo nền tảng vật chất cho hệ thống chính trị vận hành hiệu quả. Khi nền kinh

tế hoạt động ổn định và phát triển bền vững, nó tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho Nhà nước, từ đó mở ra cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm như quốc phòng, cải cách hành chính, khoa học công nghệ và phúc lợi xã hội. Nguồn thu ổn định này giúp Nhà nước có khả năng tài trợ cho các chính sách phát triển, đồng thời củng cố sức mạnh của hệ thống chính trị trong việc đối phó với những thách thức nội tại và ngoại vi. Khi nền kinh tế phát triển đồng bộ và tạo ra giá trị gia tăng cao, góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, từ đó tạo ra niềm tin sâu sắc của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Sự ổn

định về kinh tế không chỉ giúp duy trì trật tự xã hội mà còn củng cố tính chính danh của hệ thống chính trị, khẳng định vai trò chủ đạo của Đảng trong việc định hướng và phát triển đất nước. Khi nguồn lực kinh tế được huy động một cách hiệu quả, chính sách phát triển sẽ được thực hiện một cách minh bạch và kịp thời, từ đó góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài và toàn diện của quốc gia.

Hai là, thể chế kinh tế tác động trực tiếp đến cải cách thể chế chính trị. Khi Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bộ máy chính trị cũng cần được điều chỉnh linh hoạt, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình. Sự chuyển đổi này đòi hỏi các cơ quan, tổ chức phải thích nghi với môi trường kinh tế mới, nơi mà năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững đóng vai trò chủ chốt. Các yếu tố như hội nhập quốc tế, quản trị hiện đại và chuyển đổi số đang tạo ra làn sóng cải cách mạnh mẽ trong bộ máy chính trị. Việc áp dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giúp cải thiện quy trình làm việc, giảm bớt thủ tục hành chính rườm rà, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát và kiểm soát quyền lực. Điều này không chỉ giúp tạo ra môi trường quản lý công minh, hiệu quả mà còn thúc đẩy quá trình dân chủ hóa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Hội nhập quốc tế càng làm tăng yêu cầu về tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý nhà nước. Các quốc gia thành công đã cho thấy, việc *cải cách thể chế chính trị dựa trên nguyên tắc dân chủ và pháp quyền* là chìa khóa giúp nâng cao uy tín quốc gia, củng cố niềm tin của nhân dân và tạo đà phát triển kinh tế bền vững.

Ba là, thể chế kinh tế là động lực thúc đẩy dân chủ hóa. Khi năng lực sản xuất và trình độ dân trí của các chủ thể kinh tế tăng lên, người dân càng có nhiều yêu cầu về một môi trường chính trị minh bạch, công khai và bảo vệ đầy đủ quyền lợi công dân. Sự phát triển của kinh tế dẫn đến sự gia tăng

nhận thức và mong muốn của nhân dân đối với sự công bằng, dân chủ và pháp quyền, tạo ra một áp lực tự nhiên đối với các cơ quan công quyền trong việc cải cách thể chế chính trị. Áp lực này thể hiện rõ qua nhu cầu nâng cao hiệu quả giám sát, tăng cường trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Các tổ chức xã hội, truyền thông và cả nhân dân được khuyến khích tham gia vào công tác giám sát, từ đó thúc đẩy quá trình cải cách, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý quốc gia. Khi các nhà quản lý nhận thức được sự thay đổi này, họ buộc phải chuyển đổi mô hình lãnh đạo truyền thống, hướng tới một hệ thống chính trị dân chủ hóa, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên hiện đại. Kết quả là, sự dân chủ hóa tạo điều kiện cho một nền kinh tế phát triển bền vững, đồng thời củng cố uy tín và sự tin tưởng của quần chúng vào hệ thống chính trị.

Bốn là, thể chế kinh tế tạo nguồn lực cho phát triển xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Khi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng, đất nước có thể tạo ra nguồn thu ổn định và gia tăng ngân sách, từ đó đầu tư mạnh vào các lĩnh vực thiết yếu như giáo dục, y tế, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Việc đầu tư này không chỉ cải thiện điều kiện sống và sức khỏe của người dân mà còn góp phần hình thành một hệ thống xã hội bao trùm, nhân văn, nơi mọi người đều có cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cơ bản và hưởng trọn thành quả phát triển kinh tế. Sự gia tăng của GDP giúp mở rộng khả năng tài chính của Nhà nước, tạo ra nguồn lực để thực hiện các chính sách phát triển bền vững và nâng cao chất lượng hạ tầng xã hội. Đầu tư vào giáo dục nâng cao trình độ dân trí, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao; đầu tư vào y tế giúp cải thiện sức khỏe cộng đồng, giảm gánh nặng bệnh tật và gia tăng tuổi thọ; an sinh xã hội và bảo vệ môi trường tạo điều kiện cho một xã hội

công bằng, giảm bất bình đẳng và tăng cường sự ổn định. Qua đó, thể chế kinh tế phát huy vai trò chủ chốt trong việc xây dựng một mô hình xã hội hiện đại, bao trùm, hướng tới phát triển tổng thể và hiệu quả, góp phần tạo nên một nền văn hóa phát triển nhân văn, bền vững. Bên cạnh đó, thể chế kinh tế cũng thúc đẩy chuyển đổi các quan hệ xã hội. Cấu trúc xã hội thay đổi từ quan hệ truyền thống sang dựa trên hợp đồng, pháp luật và lợi ích, đòi hỏi thể chế xã hội phải thích nghi và điều chỉnh để quản lý tốt hơn các mối quan hệ mới, tránh bất ổn xã hội. Cuối cùng, sự phát triển kinh tế đặt ra yêu cầu hoàn thiện thể chế xã hội nhằm xử lý những mặt trái như phân hóa giàu - nghèo, bất bình đẳng, suy thoái đạo đức... Thể chế xã hội cần năng động, bảo vệ người yếu thế và bảo đảm ổn định cộng đồng.

Thứ hai, vai trò của thể chế chính trị

Trong tiến trình phát triển nhanh và bền vững, thể chế chính trị giữ vai trò hạt nhân trong việc định hình con đường phát triển, tổ chức quyền lực, đảm bảo tính định hướng và sự vận hành đồng bộ của các thể chế trong đời sống quốc gia. Ở Việt Nam, thể chế chính trị - với nền tảng là sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đóng vai trò trung tâm trong chỉ đạo chiến lược, điều tiết thể chế kinh tế và thể chế xã hội theo định hướng XHCN.

Thể chế chính trị có vai trò định hướng và điều tiết nền kinh tế. Việc xác lập mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN là bước ngoặt mang tính chiến lược, kết hợp linh hoạt giữa quy luật thị trường và vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước. Thể chế chính trị trực tiếp quyết định lộ trình cải cách, xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế, cơ chế sở hữu, cạnh tranh, đầu tư và phân phối nguồn lực, bảo đảm kinh tế phát triển bền vững, gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.

Bên cạnh đó, thể chế chính trị tạo ra khung pháp lý và cơ chế điều tiết kinh tế hiệu quả, minh bạch. Các chính sách của Đảng và Nhà nước không chỉ

thúc đẩy tăng trưởng mà còn kiểm soát những mặt trái của thị trường như độc quyền, tham nhũng, bất bình đẳng. Tính ổn định chính trị của Việt Nam là nền tảng quan trọng giúp Việt Nam thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Không chỉ định hướng kinh tế, thể chế chính trị còn là lực lượng tổ chức và điều phối thể chế xã hội. Với mục tiêu xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thể chế chính trị đã cụ thể hóa các giá trị này qua hệ thống chính sách về giáo dục, y tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới và quyền con người. Tư tưởng “lấy con người làm trung tâm” được thể hiện rõ trong chiến lược phát triển quốc gia.

Hệ thống thể chế xã hội ở Việt Nam được xây dựng tương đối toàn diện, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mạng lưới giáo dục quốc dân, y tế công, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ người yếu thế, các thiết chế văn hóa... là minh chứng cho vai trò điều tiết và phân bổ nguồn lực công bằng, hiệu quả của thể chế chính trị. Đồng thời, các chính sách an sinh xã hội có tác dụng giữ vững ổn định xã hội, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thị trường tạo ra nhiều biến động. Ngoài ra, thể chế chính trị còn giữ vai trò định hướng các giá trị văn hóa - đạo đức thông qua tuyên truyền, giáo dục và luật pháp. Những giá trị cốt lõi như yêu nước, đoàn kết, nhân ái... được củng cố để xây dựng nền tảng xã hội bền vững.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, yêu cầu đặt ra là tiếp tục nâng cao năng lực thể chế chính trị theo hướng dân chủ, pháp quyền, hiệu lực và hiệu quả, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững ổn định chính trị lâu dài.

Thứ ba, vai trò của thể chế xã hội

Trong cấu trúc tổng thể của một quốc gia hiện đại, thể chế xã hội giữ vị trí nền tảng, không chỉ điều tiết các quan hệ xã hội một cách hài hòa, nhân văn,

mà còn hỗ trợ trực tiếp cho phát triển kinh tế và củng cố tính chính danh của hệ thống chính trị. Thể chế xã hội bao gồm các chính sách an sinh, giáo dục, y tế, văn hóa, cùng với hệ thống giá trị đạo đức, chuẩn mực xã hội - là trụ đỡ cho sự phát triển bền vững.

Thể chế xã hội đóng vai trò quan trọng trong phát triển thể chế kinh tế. Một hệ thống giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội hiệu quả giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - yếu tố trung tâm của tăng trưởng kinh tế hiện đại. Thể chế xã hội còn góp phần bảo đảm an sinh và giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế thông qua các chính sách bảo hiểm xã hội, hỗ trợ thất nghiệp, giúp duy trì sức mua và ổn định chuỗi sản xuất. Đồng thời, một môi trường xã hội công bằng, nhân văn là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Bên cạnh đó, thể chế xã hội còn góp phần định hình hành vi tiêu dùng và sản xuất bền vững thông qua giáo dục, truyền thông và các thiết chế văn hóa. Việc thúc đẩy lối sống xanh, tiết kiệm và văn minh không chỉ mang lại lợi ích xã hội mà còn tạo áp lực tích cực buộc các doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, hướng tới phát triển bền vững. Thể chế xã hội với thiết kế nhân văn, bao trùm góp phần duy trì công bằng, giảm bất bình đẳng và củng cố tính chính danh xã hội cho hệ thống kinh tế.

Về phía thể chế chính trị, thể chế xã hội là nền tảng bảo đảm sự ổn định, đồng thuận và chính danh. Khi người dân được tiếp cận đầy đủ dịch vụ xã hội, sống trong môi trường công bằng và có cơ hội phát triển, niềm tin vào hệ thống chính trị sẽ được củng cố. Qua các kênh giáo dục, truyền thông và văn hóa cộng đồng, thể chế xã hội cũng tạo điều kiện kết nối giữa nhà nước và nhân dân, tăng cường trách nhiệm công dân và thúc đẩy sự tham gia chính trị tích cực. Ngoài ra, thể chế xã hội hỗ trợ phát triển dân chủ thông qua việc duy trì các tổ chức xã hội trung gian, như đoàn thể, hội nghề nghiệp, giúp phản ánh tiếng nói của người dân và giám sát chính sách nhà nước.

Đồng thời, hệ thống chuẩn mực đạo đức, phong trào thi đua, các giá trị văn hóa được thể chế xã hội lan tỏa, góp phần “làm mềm hóa” quyền lực, chống tha hóa và xây dựng văn hóa chính trị lành mạnh.

Như vậy, thể chế xã hội không chỉ là công cụ điều tiết xã hội mà còn là trụ cột hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển của thể chế kinh tế và thể chế chính trị, bảo đảm ổn định và phát triển bền vững cho đất nước trong thời kỳ mới.

2. Thực trạng mối quan hệ giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị và thể chế xã hội ở Việt Nam gần 40 năm thực hiện đổi mới (1986-2025)

Về thành tựu

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện mối quan hệ giữa thể chế kinh tế, thể chế chính trị và thể chế xã hội. Những thành tựu này đã góp phần thúc đẩy phát triển toàn diện, bảo đảm ổn định chính trị và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Thể chế kinh tế đã góp phần tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị. Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đã giúp nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân. Sự phát triển kinh tế ổn định và bền vững đã trở thành nền tảng vững chắc để củng cố ổn định chính trị - xã hội, đồng thời khẳng định uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Mối quan hệ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị đang dần được điều chỉnh theo hướng tương thích và hài hòa hơn. Thể chế chính trị đã có sự linh hoạt thích nghi với yêu cầu của nền kinh tế thị trường thông qua việc đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, nâng cao năng lực hoạch định và điều hành chính sách công. Đồng thời, Đảng và Nhà nước ngày càng chú trọng phát

huy dân chủ, tăng cường giám sát xã hội và minh bạch hóa thông tin - những yếu tố cần thiết trong bối cảnh kinh tế - xã hội ngày càng phát triển và mở rộng.

Thế chế kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải cách thể chế xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Nguồn lực kinh tế gia tăng cho phép đầu tư mạnh hơn vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phát triển văn hóa. Bên cạnh đó, sự phát triển của kinh tế tư nhân và xu hướng xã hội hóa dịch vụ công đã mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ cho người dân, đồng thời thúc đẩy sự đa dạng hóa và năng động trong hệ thống thể chế xã hội.

Kinh tế thị trường mở rộng không gian phát triển cho xã hội và văn hóa cộng đồng. Các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, phi chính phủ được hình thành và phát triển nhanh chóng, đóng vai trò kết nối giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Vai trò phản biện xã hội, bảo vệ quyền lợi nhóm yếu thế và thúc đẩy tham gia của công dân ngày càng được khẳng định.

Về hạn chế:

Bên cạnh những thành tựu, vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Quá trình đổi mới kinh tế diễn ra nhanh nhưng chưa đi đôi với đổi mới thể chế chính trị - xã hội một cách đồng bộ. Một số thiết chế xã hội chưa theo kịp yêu cầu điều tiết của nền kinh tế thị trường, dẫn đến những bất cập trong phân phối phúc lợi và cơ hội tiếp cận dịch vụ công. Cơ chế phối hợp giữa các thể chế chính trị - kinh tế - xã hội còn thiếu nhịp nhàng, ảnh hưởng đến hiệu quả chính sách và hạn chế tính bền vững của phát triển.

Sự phát triển của thể chế kinh tế chưa đi đôi với cải cách đồng bộ thể chế chính trị. Trong khi các chính sách kinh tế, đặc biệt là về thị trường, đầu tư và doanh nghiệp được đổi mới khá nhanh chóng, thì nhiều nội dung cốt lõi của thể chế chính trị vẫn chậm được cải tiến. Các cơ chế kiểm soát quyền lực, dân chủ cơ sở, minh bạch hóa thông tin và trách

nhệm giải trình chưa được thể chế hóa rõ ràng và đồng bộ. Tình trạng chồng chéo trong quản lý nhà nước, phân quyền không rõ ràng, phối hợp lỏng lẻo giữa các ngành, các cấp tiếp tục là điểm nghẽn lớn, làm suy giảm hiệu quả chính sách và kìm hãm tốc độ cải cách thể chế nói chung.

Thế chế kinh tế vẫn còn những điểm nghẽn cản trở phát huy hiệu quả của thể chế xã hội. Việc phân phối nguồn lực chưa thực sự công bằng, dẫn đến sự gia tăng phân hóa thu nhập và khoảng cách giàu - nghèo, đặc biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và nhóm xã hội. Dù kinh tế tăng trưởng nhanh, nhưng các chính sách xã hội chưa bắt kịp đà phát triển. Chất lượng dịch vụ công như y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội còn nhiều bất cập, đặc biệt là trong tiếp cận của người dân nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

Mặt trái của kinh tế thị trường đang có những tác động tiêu cực rõ rệt đến văn hóa - đạo đức xã hội. Tình trạng thực dụng, đề cao vật chất, chủ nghĩa cá nhân và cơ hội chủ nghĩa đang lan rộng trong một bộ phận cán bộ, công chức và người dân. Việc chạy theo lợi ích cá nhân làm suy giảm các giá trị đạo đức nghề nghiệp, niềm tin xã hội và truyền thống văn hóa dân tộc. Một số giá trị truyền thống tốt đẹp như tình làng nghĩa xóm, lòng nhân ái, tôn trọng lễ phải đang bị xói mòn do thiếu sự kiểm soát định hướng của thể chế văn hóa - xã hội.

Thế chế kinh tế phát triển nhưng vẫn còn thiếu tính minh bạch và công bằng. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam chưa vận hành đầy đủ theo nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng. Tình trạng đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, “lợi ích nhóm” làm suy yếu niềm tin vào các thiết chế quản lý và cản trở sự phát triển công bằng, bền vững. Bên cạnh đó, quyền tiếp cận đất đai, vốn, thông tin thị trường của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế, còn nhiều hạn chế, làm sâu sắc thêm khoảng cách phát triển giữa các nhóm xã hội.

Những bất cập trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện đồng bộ, hài hòa và hiệu quả các thể chế - đặc biệt là tăng cường tính tương thích giữa thể chế kinh tế, chính trị và xã hội - nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh, bền vững và bao trùm ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

3. Giải pháp giải quyết tốt mối quan hệ giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị và thể chế xã hội thúc đẩy phát triển bền vững

Trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển nhanh và bền vững, việc hoàn thiện mối quan hệ giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội trở thành yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đây là điều kiện để xây dựng mô hình phát triển đồng bộ, ổn định, công bằng và thịnh vượng cho Việt Nam.

Một là, cần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự phối hợp hiệu quả giữa ba trụ cột thể chế. Việc nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, chỉ đạo thực tiễn của Đảng, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, là yếu tố then chốt bảo đảm định hướng phát triển đúng đắn, đồng bộ và nhất quán cho hệ thống thể chế.

Hai là, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế chính trị theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo và quản trị quốc gia. Trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy dân chủ gắn với kỷ cương, tăng cường kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa thông tin.

Ba là, phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN cần đi đôi với cải cách thể chế chính trị và xã hội. Việc cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, thúc đẩy khu vực tư nhân, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền sở hữu, cạnh tranh, phân bổ nguồn lực phải gắn liền với bảo đảm công bằng xã hội và sự bền vững của thể chế.

Bốn là, xác lập thể chế xã hội là một trong ba trụ cột chủ đạo của phát triển quốc gia. Cần đầu

tư tương xứng cho hệ thống xã hội, nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ công, bảo vệ người yếu thế, thu hẹp khoảng cách phát triển vùng, miền, dân tộc. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách xã hội bảo đảm đồng bộ với cải cách kinh tế và chính trị.

Năm là, thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các thể chế. Việc thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các thể chế là yếu tố then chốt giúp nâng cao chất lượng quản lý và thực thi các chính sách công. Để đạt được điều này, cần tăng cường liên thông và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, đảm bảo các chính sách được xây dựng một cách đồng bộ và thống nhất. Hệ thống giám sát - đánh giá chính sách công cần được hoàn thiện, tạo ra một khung đánh giá toàn diện, minh bạch và hiệu quả. Cơ chế này phải thu hút sự tham gia của nhân dân, các tổ chức xã hội và giới khoa học, góp phần phản ánh trung thực thực trạng và hiệu quả của các chính sách đang được triển khai. Sự tham gia của các đối tượng này không chỉ tạo nên tính khách quan mà còn giúp phát hiện sớm các hạn chế, bất cập để kịp thời điều chỉnh. Ngoài ra, việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số và nền tảng trực tuyến để thu thập, xử lý và công bố thông tin cũng cần được đẩy mạnh, nhằm tăng cường tính minh bạch và khuyến khích sự giám sát của quần chúng. Thông qua cơ chế phối hợp và giám sát chặt chẽ, các cơ quan chức năng có thể thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả, góp phần xây dựng hệ thống chính sách công phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam không thể tách rời mối quan hệ hữu cơ giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội. Việc đồng bộ hóa, điều phối hiệu quả ba thể chế này là cơ sở hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước đến năm 2045 thành quốc gia phát triển, dân chủ, công bằng, văn minh và giàu mạnh.